

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TML24B2
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Kỹ năng mềm(2)	Lãnh cơ bản(6)	Trang bị điện(5)	Điểm TB	Xếp loại
01	2455202050570	Phạm Thành	Công	30/11/2008	8.1	8.6	6.4	7.9	7.9	7.7	Khá
02	2455202050571	Huỳnh Anh	Duy	08/05/2009	4.0	3.1	2.9	7.9	0.0	4.1	Yếu
03	2455202050572	Nguyễn Thế	Duy	31/03/2009	3.5	3.9	3.2	3.1	0.0	1.9	Yếu
04	2455202050573	Lê Quốc	Đạt	13/03/2009	9.2	9.1	7.6	7.8	8.8	8.2	Giỏi
05	2455202050574	Trương Phạm Hải	Đăng	08/02/2009	9.3	9.0	6.6	7.9	8.5	7.9	Khá
06	2455202050575	Đỗ Quốc	Hào	13/09/2009	0.0	0.6	2.6	0.0	0.0	0.4	Yếu
07	2455202050576	Trần Nhật	Hào	25/10/2009	7.6	8.6	6.3	7.1	6.8	6.9	Trung bình
08	2455202050579	Nguyễn Đức	Huy	17/07/2009	9.5	9.8	7.2	7.0	8.9	7.8	Khá
09	2455202050580	Trịnh Quang	Huy	30/12/2009	8.6	9.1	7.2	7.2	7.9	7.5	Khá
10	2455202050581	Trần Minh	Khải	30/12/2009	0.0	2.6	5.0	0.0	0.0	0.8	Yếu
11	2455202050582	Lâm Thái	Khang	11/10/2009	3.2	3.5	3.2	2.7	0.0	1.7	Yếu
12	2455202050583	Nguyễn Trọng	Khuong	16/12/2009	6.4	8.1	5.1	6.3	6.0	6.0	Trung bình
13	2455202050584	Lê Trung	Kiên	03/04/2009	3.2	3.7	2.6	2.7	0.0	1.6	Yếu
14	2455202050585	Trịnh Anh	Kiệt	19/11/2009	9.5	9.2	7.0	7.9	8.5	8.0	Giỏi
15	2455202050586	Mo Ha Med Sa	Leh	18/08/2009	5.8	7.4	5.8	5.9	0.0	3.6	Yếu
16	2455202050587	Nguyễn Trọng	Lễ	23/02/2009	0.0	3.4	2.2	0.0	0.0	0.3	Yếu
17	2455202050588	Đoàn Quốc	Minh	24/11/2009	3.2	3.0	3.4	2.8	0.0	1.8	Yếu
18	2455202050589	Phạm Quốc	Minh	01/03/2009	8.4	7.2	7.2	7.5	6.6	7.1	Khá
19	2455202050590	Nguyễn Hòa	Nam	15/05/2009	7.8	7.7	6.1	7.3	8.2	7.5	Khá
20	2455202050591	Lê Thanh	Phú	27/07/2009	7.0	7.0	3.3	5.3	0.0	3.0	Yếu
21	2455202050592	Nguyễn Văn	Quý	19/02/2009	8.2	9.2	6.1	7.5	6.0	6.7	Trung bình

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Kỹ năng mềm(2)	Lãnh cơ bản(6)	Trang bị điện(5)	Điểm TB	Xếp loại
22	2455202050593	As Sa Na Quy	19/11/2008	8.2	9.0	6.0	6.3	2.7	4.9	Yếu
23	2455202050594	Nguyễn Huỳnh Duy Tân	10/08/2009	7.5	9.1	5.7	6.5	5.9	6.1	Trung bình
24	2455202050596	Nguyễn Hoàng Thiện	28/12/2009	3.2	3.0	3.4	3.1	0.0	2.0	Yếu
25	2455202050597	Trương Võ Thanh Thương	19/07/2009	8.9	8.4	7.6	7.3	6.1	6.9	Trung bình
26	2455202050599	Đinh Minh Triết	10/12/2009	6.2	9.1	6.0	3.1	0.0	2.4	Yếu
27	2455202050600	Sa Phi Y Dương Anh Tuấn	20/09/2008	6.0	9.2	6.9	6.9	5.8	6.5	Trung bình
28	2455202050601	Võ Anh Vinh	22/09/2009	8.9	8.5	8.0	8.9	8.3	8.5	Giỏi

Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 07 tháng 07 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái